

BẢNG GIÁ CHUYỂN PHÁT NHANH TRONG NƯỚC*(Ban hành theo quyết định số 262/QĐ-CTBC ngày 08/04/2008 - Áp dụng từ ngày 15/04/2008)*

Đơn vị tính: VND

TRỌNG LƯỢNG (GR)	NƠI ĐẾN					
	NỘI TỈNH	ĐẾN 100KM	ĐẾN 300KM	TRÊN 300KM	HN-ĐNG và ngược lại HCM-ĐNG và ngược lại	HN - HCM và ngược lại
ĐẾN 50	7,500	7,880	9,091	9,600	8,640	9,091
TRÊN 50 - 100	8,000	10,450	11,900	13,300	12,000	12,800
TRÊN 100 - 250	10,000	14,150	15,700	19,000	17,000	18,200
TRÊN 250 - 500	12,500	19,750	21,900	25,250	22,800	24,000
TRÊN 500 - 1000	15,000	27,750	30,900	36,500	32,600	34,750
TRÊN 1000 - 1500	18,000	34,150	38,000	47,025	42,350	44,750
TRÊN 1500 - 2000	21,000	40,950	45,500	56,400	50,550	54,150
MỖI NẮC 500GR TIẾP THEO	1,600	3,000	3,300	5,600	4,000	4,800

Đối với tuyến huyện, xã (khách hàng sử dụng dịch vụ CPN thoả thuận cộng thêm 10% phụ phí vùng sâu, vùng xa).

DỊCH VỤ PHÁT TRONG NGÀY, PHÁT HẸN GIỜ (CHƯA BAO GỒM CƯỚC CHUYỂN PHÁT NHANH CƠ BẢN)

TRỌNG LƯỢNG (KG)	ĐẾN 100 KM	HÀ NỘI-TP.HCM VÀ NGƯỢC LẠI	GHI CHÚ
ĐẾN 2KG	50,000	100,000	Nhận bưu gửi trước 9h
MỖI NẮC 500GR TIẾP THEO	5,000	10,000	

LƯU Ý: Với các tỉnh khác giá cước theo thoả thuận

Ghi chú: 1, Thu phụ phí nhiên liệu bằng 15 % cước chính với dịch vụ chuyển phát nhanh liên tỉnh

2, Bảng giá trên chưa bao gồm 10 % VAT

